

BỘ TÀI CHÍNH
Số: 146/1999/TT-BTC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 17 tháng 12 năm 1999

THÔNG TƯ

Hướng dẫn thực hiện việc miễn thuế, giảm

theo quy định tại nghị định 51/1999/NĐ-CP ngày 08/7/1999 của Chính phủ

quy định chi tiết thi hành Luật khuyến khích đầu tư trong nước (sửa đổi) số 03/1998/QH10

Căn cứ các Luật thuế, Pháp lệnh thuế hiện hành;

Căn cứ nghị định số 51/1999/NĐ-CP ngày 8/7/1999 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật khuyến khích đầu tư trong nước (sửa đổi) số 03/1998/QH10, Bộ tài chính hướng dẫn việc thực hiện miễn thuế, giảm thuế quy định tại nghị định này như sau:

A. ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

Thông tư này áp dụng với các đối tượng quy định tại điều 2 Nghị định số 51/1999/NĐ-CP ngày 8/7/1999 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật khuyến khích đầu tư trong nước (sửa đổi) số 03/1998/QH10 bao gồm:

1. Các công ty, doanh nghiệp (gọi chung là doanh nghiệp) không phân biệt loại hình sở hữu và quy mô gồm: Công ty trách nhiệm hữu hạn; công ty cổ phần; công ty hợp danh; doanh nghiệp tư nhân; hợp tác xã; liên hiệp hợp tác xã; doanh nghiệp nhà nước.
2. Cơ sở giáo dục, đào tạo tư thục, dân lập, bán công, cơ sở y tế tư nhân, dân lập; cơ sở văn hoá dân tộc được thành lập và hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật.
3. Doanh nghiệp của các tổ chức chính trị, chính trị xã hội, hội nghề nghiệp có đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật.
4. Cá nhân nhóm kinh doanh được thành lập và hoạt động theo nghị định số 66/HĐBT ngày 2/3/1992 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ).
5. Công dân Việt Nam, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, người nước ngoài thường trú ở Việt Nam, mua cổ phần, góp vốn vào các doanh nghiệp Việt Nam.

Các đối tượng nêu tại điểm 1,2,3,4,5 Phần A thông tư này chỉ được hưởng ưu đãi theo quy định tại nghị định số 51/1999/NĐ-CP và hướng dẫn tại phần B thông tư này khi:

Hoạt động đúng ngành nghề đã đăng ký kinh doanh.

Đã đăng ký nộp thuế với cơ quan thuế.

Thực hiện chế độ hạch toán, kế toán theo quy định.

B. HƯỚNG DẪN VIỆC THỰC HIỆN MIỄN THUẾ, GIẢM THUẾ

I. MIỄN THUẾ, GIẢM THUẾ, ƯU ĐÃI VỀ THUẾ SUẤT THU NHẬP DOANH NGHIỆP

1. Đối tượng và hồ sơ làm căn cứ xác định ưu đãi về thuế.

a) Đối với các dự án đầu tư thành lập cơ sở kinh doanh mới.

Nghị định số 51/1999/NĐ-CP ngày 8/7/1999 của Chính phủ quy định: Các cơ sở sản xuất kinh doanh mới đầu tư xây dựng phải có quyết định thành lập của cấp có thẩm quyền, có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Những cơ sở đã thành lập trước đây nay chia, tách, đổi tên hoặc chuyển đổi lại hình thức sở hữu không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi về thuế theo quy định này. Các cơ sở mới xây dựng đáp ứng một trong các quy định tại Điều 15. Điều 16 của nghị định thì được hưởng ưu đãi về thuế suất, miễn thuế, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại các Điều 20. Điều 21 của nghị định. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư, cơ sở sản xuất kinh doanh phải gửi hồ sơ đề nghị được hưởng các mức ưu đãi về thuế đã ghi trong giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư đến cơ quan thuế trực tiếp quản lý thu thuế cơ sở. Hồ sơ gồm có:

Văn bản đề nghị được hưởng các mức ưu đãi về thuế đã ghi trong giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư có đầy đủ chữ ký của người đại diện hợp pháp và con dấu của đơn vị .

Quyết định thành lập và chứng nhận đăng ký kinh doanh (bản sao có công chứng hoặc bản sao y bản chính có ký tên đóng dấu của doanh nghiệp)

Quyết toán công trình hoặc biên bản bàn giao đưa công trình vào sử dụng (nếu chưa có quyết toán công trình)

Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư do Bộ kế hoạch đầu tư hặc Ủy ban nhân dân tỉnh, Thành phố trực thuộc trung ương cấp (bản sao có công chứng hoặc bản sao ký tên đóng dấu của doanh nghiệp)

Tờ khai đăng ký thuế.

b) Đối với dự án đầu tư dây truyền sản xuất, mở rộng quy mô, đổi mới công nghệ.

Đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh có dự án đầu tư dây truyền sản xuất, mở rộng quy mô đổi mới công nghệ thuộc các ngành nghề, các lĩnh vực ưu đãi đầu tư quy định tại danh mục A Nghị định số 51/1999/NĐ-CP ngày 8/7/1999 của Chính phủ gồm: đầu tư thành lập phân xưởng sản xuất; lắp đặt dây truyền sản xuất mới, lắp đặt trang, thiết bị mới để bổ sung cho dây truyền sản xuất hiện có; lắp đặt máy móc, thiết bị mới thay thế cho toàn bộ hoặc từng bộ phận hoàn chỉnh máy móc, thiết bị của dây truyền sản xuất hiện có, ứng dụng công nghệ mới vào sản xuất được hưởng các mức ưu đãi về thuế, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của Điều 23 của Nghị định số 51/1999/NĐ-CP.

Cơ sở kinh doanh thuộc đối tượng hưởng ưu đãi này phải gửi hồ sơ cho cơ quan thuế trực tiếp quản lý thu thuế cơ sở, hồ sơ gồm có:

Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư do Bộ kế hoạch đầu tư hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cấp (bản sao có công chứng hoặc sao y bản chính có ký tên đóng dấu của doanh nghiệp)

Văn bản đề nghị của cơ sở kinh doanh nêu rõ lý do miễn, giảm thuế kèm theo:

Đối với doanh nghiệp Nhà nước là luận chứng đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt, quyết toán công trình hoặc biên bản bàn giao đưa công trình vào sử dụng (nếu chưa có quyết toán).

Đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần là luận chứng đầu tư được hội đồng thành viên hay chủ sở hữu công ty phê duyệt, quyết toán công trình hoặc biên bản bàn giao đưa công trình vào sử dụng.

Đối với doanh nghiệp tư nhân là hợp đồng và bản quyết toán hợp đồng xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị, trường hợp tự xây dựng phải xuất trình hoá đơn, chứng từ mua vật tư, máy móc thiết bị và thực tế máy móc thiết bị đã được lắp đặt sử dụng.

Báo cáo quyết toán tài chính và quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp của cơ sở kinh doanh trước năm đầu tư và sau năm đầu tư xin miễn thuế, giảm thuế.

Cơ sở kinh doanh căn cứ vào mức độ miễn, giảm thuế phải tự tính toán và hạch toán riêng phần thu nhập tăng thêm do đầu tư mới mang lại, số thuế được miễn, giảm và số thuế phải nộp từng kỳ cũng như cả năm, thực hiện quyết toán với cơ quan thuế theo quy định. Trường hợp cơ sở kinh doanh không hạch toán riêng được thu nhập chịu thuế tăng thêm do đầu tư dây chuyền sản xuất, mở rộng quy mô đổi mới công nghệ thì thu nhập chịu thuế tăng thêm được xác định căn cứ theo tỷ lệ giữa giá trị đầu tư tăng thêm trên tổng trị giá tài sản cố định hiện có của cơ sở kinh doanh. Hàng năm khi quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp, cơ quan thuế xác định chính thức số thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm.

c) Đối với dự án BOT, BTO.

Cơ sở kinh doanh thực hiện dự án BOT, BTO được miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại Điều 22 nghị định số 51/1999-NĐ-CP ngày 8/7/1999 của Chính phủ. Cơ sở kinh doanh phải gửi hồ sơ đến cơ quan thuế thực tiếp quản lý thu thuế, hồ sơ gồm:

Văn bản đề nghị của cơ sở kinh doanh.

Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư do Bộ kế hoạch và đầu tư UBND tỉnh. Thành phố trực thuộc trung ương (bản sao có công chứng hoặc bản sao có ký tên đóng dấu của doanh nghiệp).

Dự án đầu tư theo hình thức BOT hoặc BTO được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Trình tự và thẩm quyền xét quyết định miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp.

Cơ quan thuế quản lý thu thuế cơ sở kinh doanh khi nhận được hồ sơ miễn, giảm thuế của cơ sở kinh doanh thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp nêu tại điểm 1a, 1b, 1c trên có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ của đơn vị.

Trong thời hạn tối đa 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan thuế trực tiếp quản lý đơn vị phải ra quyết định về việc miễn thuế, giảm thuế và thời hạn được miễn giảm thuế đã ghi trong giấy chứng nhận đầu tư.

Trường hợp kiểm tra hồ sơ của đơn vị không hợp lệ hoặc không đúng đối tượng quy định tại Thông tư này thì trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan thuế phải trả lời bằng văn bản cho đơn vị biết.

Căn cứ vào mức được miễn thuế, giảm thuế, cơ sở kinh doanh tự xác định số được miễn, giảm, số phải nộp thực hiện kê khai nộp thuế từng kỳ cũng như quyết toán cả năm, thực hiện quyết toán thuế với cơ quan thuế theo quy định. Hàng năm, khi quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp cơ quan thuế phải thông báo chính thức về số thuế phải nộp, số thuế được miễn, giảm theo giấy chứng nhận đầu tư. Nếu số thuế cơ sở đã tạm nộp trong chưa đủ so với số thuế phải nộp ghi trong thông báo thuế thì cơ sở phải nộp đủ số thuế còn thiếu theo đúng thời hạn ghi trong thông báo thuế, trường hợp cơ sở trong năm nộp thừa so với số thuế đã ghi trong thông báo nộp thuế thì được trừ vào số thuế phải nộp vào kỳ tiếp theo. Trong quá trình kiểm tra quyết toán thuế nếu phát hiện cơ sở kinh doanh có hành vi khai man, trốn thuế, thì ngoài việc chi thu thuế còn bị xử phạt theo luật định, số thuế cơ sở phải nộp do bị truy thu không được miễn thuế, giảm thuế theo giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư. Trường hợp các cơ sở kinh doanh không thực hiện đúng quy định nêu tại điểm 6 Phần A Thông tư này thì cơ quan thuế thông báo cho đơn vị biết về việc không được hưởng ưu đãi đầu tư.

II. MIỄN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP BỔ SUNG

Theo quy định tại điều 24 Nghị định 51/1999/NĐ-CP thì nhà đầu tư có dự án đầu tư quy định tại Điều 15 hoặc Điều 16 không phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định tại Khoản 1 Điều 10 của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp và do cơ quan thuế trực tiếp quản lý đơn vị thực hiện khi quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp.

III. MIỄN, GIẢM TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT

Nhà đầu tư được Nhà nước giao đất trả tiền sử dụng đất để hoạt động sản xuất kinh doanh được miễn, giảm tiền sử dụng đất theo quy định tại Điều 17 Nghị định 51/NĐ-CP phải gửi hồ sơ xin miễn, giảm tiền sử dụng đất cho cơ quan thuế trực tiếp quản lý thu tiền sử dụng đất thực hiện. Để thực hiện việc miễn, giảm tiền sử dụng đất cơ sở kinh doanh phải gửi hồ sơ đến cơ quan thuế trực tiếp quản lý thu thuế, hồ sơ gồm:

Công văn đề nghị của sở kinh doanh.

Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư (bản sao có công chứng hoặc bản sao y bản chính có ký tên đóng dấu của doanh nghiệp)